

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 128/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2025

## NGHỊ ĐỊNH

### Quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ.*

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người có thẩm quyền trong lĩnh vực nội vụ được quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ cần điều chỉnh để thực hiện phân quyền, phân cấp.

### Điều 2. Nguyên tắc phân quyền, phân cấp

1. Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp; phù hợp với các nguyên tắc, quy định về phân quyền, phân cấp của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Bảo đảm phân cấp triệt để các nhiệm vụ giữa cơ quan nhà nước ở trung ương với chính quyền địa phương, bảo đảm thẩm quyền quản lý thống nhất của Chính phủ, quyền điều hành của người đứng đầu Chính phủ đối với lĩnh vực

quản lý nhà nước về nội vụ và phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực nội vụ.

3. Bảo đảm Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ tập trung thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô; xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát.

4. Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp và phân định rõ thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân; bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân định. Trong trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được Bộ trưởng Bộ Nội vụ giao thực hiện nhiệm vụ thì có thể giao cấp dưới thực hiện.

5. Thực hiện phân quyền, phân cấp giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan bảo đảm đồng bộ, tổng thể, liên thông, không bỏ sót hoặc chồng lấn, giao thoa nhiệm vụ; bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan; không để gián đoạn công việc, không để chồng chéo, trùng lặp, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn.

6. Bảo đảm quyền con người, quyền công dân; bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc tiếp cận thông tin, thực hiện các quyền, nghĩa vụ và các thủ tục theo quy định của pháp luật; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội, người dân, doanh nghiệp.

7. Bảo đảm không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

8. Nguồn lực thực hiện nhiệm vụ được phân quyền, phân cấp do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định.

### **Điều 3. Về phí, lệ phí**

Các thủ tục hành chính khi giải quyết mà phải nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí thì khi người dân, tổ chức nộp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính đồng thời nộp phí, lệ phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

Mức phí, lệ phí, việc quản lý, sử dụng phí, lệ phí thực hiện theo quy định của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với phí, lệ phí tương ứng.

## **Chương II**

### **PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

#### **Điều 4. Phân quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về người có công với cách mạng**

1. Nhiệm vụ tổ chức phát động học tập tấm gương để làm căn cứ công nhận liệt sĩ, thương binh theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14 và điểm k khoản 1 Điều 23 của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp giấy chứng nhận người hy sinh, bị thương thực hiện.

2. Kinh phí thực hiện chính sách chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương và giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Nhiệm vụ quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và chính sách, chế độ đối với cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công và bộ phận quản lý nghĩa trang liệt sĩ theo quy định tại khoản 6 Điều 48 của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng do:

a) Bộ trưởng Bộ Nội vụ thực hiện đối với các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện đối với các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công và bộ phận quản lý nghĩa trang liệt sĩ do cấp tỉnh quản lý.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này như sau:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị khi có người hy sinh, người bị thương do mình quản lý thuộc trường hợp quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14 và điểm k khoản 1 Điều 23 của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng thì lập Tờ trình bằng văn bản đề nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định tổ chức phát động học tập tấm gương.

5. Trình tự, thủ tục thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này như sau:

Sở Nội vụ lập hồ sơ trình (nêu rõ nội dung và thuyết minh về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và chính sách, chế độ đối với cơ sở xã hội nuôi dưỡng,

điều dưỡng người có công và bộ phận quản lý nghĩa trang liệt sĩ) đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ban hành quyết định.

**Điều 5. Phân cấp nhiệm vụ quản lý nhà nước về người có công với cách mạng**

1. Nhiệm vụ, quyền hạn quy định số người làm việc tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công theo quy định tại Điều 134 của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng do:

a) Bộ trưởng Bộ Nội vụ thực hiện đối với các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công thuộc Bộ Nội vụ;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện đối với các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn quy định số người làm việc tại bộ phận quản lý nghĩa trang liệt sĩ an táng từ 500 mộ liệt sĩ trở lên, số người chăm sóc cho nghĩa trang liệt sĩ an táng dưới 500 mộ liệt sĩ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại Điều 136 của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

3. Nhiệm vụ chi quy định tại khoản 3 Điều 11 của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ chi cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì đài tưởng niệm liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ với mức từ 10 tỷ đồng đến 15 tỷ đồng/công trình cấp tỉnh;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ chi cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì đài tưởng niệm liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ với mức dưới 10 tỷ đồng/công trình cấp xã.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn về việc xem xét, quyết định tiếp nhận trường hợp đặc biệt vào các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do cấp tỉnh quản lý theo quy định tại Điều 112 của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn về phê duyệt kế hoạch, dự toán kinh phí lấy mẫu hài cốt liệt sĩ quy định tại Điều của 147 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định số 131/2021/NĐ-CP do Sở Nội vụ thực hiện như sau:

a) Tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ khám, giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp vết thương đặc biệt tái phát và điều chỉnh chế độ quy định tại khoản 2 Điều 41;

b) Thẩm định hồ sơ công nhận đối với người bị thương không thuộc quân đội, công an theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 81;

c) Thực hiện chi trả chế độ với thân nhân và đối tượng thực hiện xác định danh tính hài cốt liệt sĩ bằng phương pháp thực chứng theo quy định tại Điều 145;

d) Thông báo kết quả quá trình giám định ADN theo quy định tại Điều 148.

7. Trình tự, thủ tục thực hiện nhiệm vụ tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều này như sau:

a) Bước 1: Sở Nội vụ căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các cơ sở đề đề xuất lập danh sách số người làm việc gắn với chính sách tiền lương đối với viên chức, người lao động theo quy định của Chính phủ tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công thuộc phạm vi quản lý và số người làm việc tại bộ phận quản lý nghĩa trang liệt sĩ an táng từ 500 mộ liệt sĩ trở lên, số người chăm sóc cho nghĩa trang liệt sĩ an táng dưới 500 mộ liệt sĩ thuộc phạm vi quản lý;

b) Bước 2: Sở Nội vụ có Tờ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quy định số người làm việc;

c) Bước 3: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định quy định số người làm việc tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công; quyết định quy định số người làm việc tại bộ phận quản lý nghĩa trang liệt sĩ an táng từ 500 mộ liệt sĩ trở lên, số người chăm sóc cho nghĩa trang liệt sĩ an táng dưới 500 mộ liệt sĩ;

d) Bước 4: Sở Nội vụ hướng dẫn các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công, Ủy ban nhân dân cấp xã để tuyển dụng, sử dụng, quản lý người làm việc tại nghĩa trang liệt sĩ.

8. Trình tự, thủ tục thực hiện nhiệm vụ tại khoản 4 Điều này như sau:

Sở Nội vụ lập danh sách trường hợp đặc biệt vào các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do cấp tỉnh quản lý (họ tên đối tượng, lý do đề xuất nuôi dưỡng, điều dưỡng tại cơ sở) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định tiếp nhận.

9. Trình tự, thủ tục đã thực hiện nhiệm vụ tại khoản 5 Điều này như sau:

a) Đối với trường hợp đón nhận hài cốt liệt sĩ được quy tập mà chưa xác định được danh tính:

Sở Nội vụ nơi đón nhận hài cốt liệt sĩ trong thời gian 01 ngày làm việc có trách nhiệm: Tiếp nhận hài cốt và mẫu hài cốt liệt sĩ do đơn vị quy tập bàn giao; kiểm tra tình trạng hài cốt, ghi ký hiệu mẫu theo quy định tại Phụ lục VIII của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và cập nhật vị trí mộ an táng hài cốt liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ vào cơ sở dữ liệu về liệt sĩ;

Trường hợp có thông tin về thân nhân liệt sĩ thì thông báo và hướng dẫn thân nhân gửi mẫu đối chứng thân nhân liệt sĩ về Sở Nội vụ;

Sở Nội vụ gửi mẫu đến đơn vị giám định ADN để thực hiện giám định mẫu hài cốt liệt sĩ; trường hợp gửi mẫu đối chứng thân nhân liệt sĩ thì kèm thông tin về ký hiệu mẫu của hài cốt liệt sĩ;

Việc gửi mẫu giám định phải lập thành biên bản theo Mẫu số 82 Phụ lục I của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và gửi về Bộ Nội vụ để theo dõi, tổng hợp.

b) Đối với trường hợp di chuyển hoặc nâng cấp, sửa chữa nghĩa trang liệt sĩ có liên quan tới phần mộ liệt sĩ:

Sở Nội vụ nơi quản lý mộ lập kế hoạch, dự toán kinh phí lấy mẫu hài cốt liệt sĩ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính (nếu được giao hoặc ủy quyền) phê duyệt kế hoạch, dự toán kinh phí và chuyển kinh phí đến Sở Nội vụ để triển khai thực hiện;

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với đơn vị giám định ADN tổ chức thực hiện lấy mẫu hài cốt liệt sĩ trong vòng 20 ngày; lập biên bản bàn giao hài cốt liệt sĩ theo Mẫu số 81 Phụ lục I của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và gửi về Bộ Nội vụ để theo dõi, tổng hợp;

Sở Nội vụ thông báo và hướng dẫn thân nhân liệt sĩ gửi mẫu đối chứng thân nhân liệt sĩ đối với trường hợp có thông tin về thân nhân liệt sĩ và gửi mẫu đối chứng thân nhân liệt sĩ kèm thông tin về ký hiệu mẫu của hài cốt liệt sĩ về đơn vị giám định ADN.

c) Đối với trường hợp quy định tại các điểm c, d khoản 1 Điều 146 của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP:

Đại diện thân nhân liệt sĩ hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ có đơn đề nghị giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ theo Mẫu số 30 Phụ lục I của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm theo bản sao Bằng “Tổ quốc ghi công” và Giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh theo Mẫu số 44 Phụ lục I của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ gốc;

Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ gốc trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định có trách nhiệm rà soát, nếu hồ sơ đang quản lý có thông tin về liệt sĩ và thân nhân thì có văn bản thông báo Sở Nội vụ nơi quản lý mộ kèm các giấy tờ theo quy định và bản trích lục hồ sơ liệt sĩ;

Sở Nội vụ nơi quản lý mộ liệt sĩ trong 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ theo quy định có trách nhiệm kiểm tra thông tin về vị trí mộ, thông tin khắc trên bia mộ, tình trạng hài cốt, thông tin quy tập. Nếu đủ căn cứ thì thực hiện như sau:

Lấy mẫu hài cốt liệt sĩ, lập biên bản bàn giao mẫu hài cốt liệt sĩ theo Mẫu số 82 Phụ lục I của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP;

Thông báo và hướng dẫn thân nhân liệt sĩ gửi mẫu đối chứng thân nhân liệt sĩ về Sở Nội vụ;

Thanh toán chi phí lấy mẫu hài cốt liệt sĩ (nếu có);

Gửi mẫu hài cốt liệt sĩ và mẫu đối chứng thân nhân liệt sĩ kèm theo văn bản, biên bản lấy mẫu hài cốt liệt sĩ và mẫu đối chứng thân nhân liệt sĩ đến đơn vị giám định ADN; gửi văn bản và bản sao toàn bộ giấy tờ đến Bộ Nội vụ để theo dõi, tổng hợp.

d) Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 146 của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP:

Đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này. Sở Nội vụ thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định tại điểm c khoản này.

10. Trình tự, thủ tục thực hiện nhiệm vụ tại điểm c khoản 6 Điều này như sau:

Trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 145 của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, Sở Nội

vụ có trách nhiệm thực hiện chi trả cho đại diện thân nhân liệt sĩ hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ hoặc tổ chức, cá nhân được ủy quyền.

11. Trình tự, thủ tục thực hiện nhiệm vụ tại điểm d khoản 6 Điều này như sau:

a) Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giám định ADN, Sở Nội vụ nơi quản lý mộ liệt sĩ có trách nhiệm thông báo kết quả giám định ADN đến đại diện thân nhân liệt sĩ (hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ), Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ gốc và Bộ Nội vụ;

b) Sở Nội vụ nơi quản lý mộ liệt sĩ thực hiện việc hoàn trả mẫu hài cốt liệt sĩ đã giám định ADN vào mộ liệt sĩ trong thời gian 07 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả giám định ADN;

c) Trường hợp xác định được thông tin về liệt sĩ: Sở Nội vụ nơi quản lý mộ liệt sĩ ban hành quyết định xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin theo Mẫu số 76 Phụ lục I của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; cấp giấy báo tin mộ liệt sĩ tới thân nhân liệt sĩ trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản và thông báo đến Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ gốc; khắc lại thông tin trên bia mộ liệt sĩ.

#### **Điều 6. Phân cấp nhiệm vụ quản lý nhà nước lĩnh vực chính quyền địa phương**

1. Nhiệm vụ, quyền hạn về quyết định công nhận vùng an toàn khu theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 2 của Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ do Bộ trưởng Bộ Nội vụ thực hiện.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn về công nhận xã an toàn khu, xã đảo theo quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 2 của Nghị định số 25/2025/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này như sau:

a) Trình tự, thủ tục đề nghị công nhận vùng an toàn khu:

Căn cứ tiêu chí xác định vùng an toàn khu theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị công nhận vùng an toàn khu thuộc địa bàn của địa phương, báo cáo Ban Thường vụ Đảng bộ cấp tỉnh.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Nội vụ (kèm theo hồ sơ) xem xét ra quyết định. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định

thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Bộ Nội vụ có văn bản trả lời và hướng dẫn để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ;

b) Hồ sơ đề nghị công nhận vùng an toàn khu gồm:

Công văn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ trưởng Bộ Nội vụ đề nghị công nhận vùng an toàn khu.

Hồ sơ khoa học của vùng an toàn khu, bao gồm: Phần lịch sử, địa lý của vùng (trong đó nêu rõ tên gọi trước đây và hiện nay của các xã trong vùng; vị trí, diện tích và dân số hiện nay của các xã trong vùng; nêu rõ và phân tích các sự kiện, di tích lịch sử cách mạng, thành tích phục vụ cách mạng được cấp có thẩm quyền ghi nhận, diễn ra trên địa bàn và nội dung khác (nếu có)); bảng tổng hợp các sự kiện, di tích lịch sử cách mạng; các tài liệu, tư liệu, hình ảnh, xác nhận của nhân chứng lịch sử và nội dung khác (nếu có).

Báo cáo tóm tắt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về các xã đề nghị công nhận vùng an toàn khu (biên bản thẩm định hồ sơ của cấp tỉnh và văn bản liên quan kèm theo).

4. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện nhiệm vụ công nhận xã an toàn khu tại khoản 2 Điều này như sau:

a) Trình tự, thủ tục công nhận xã an toàn khu:

Căn cứ tiêu chí xác định xã an toàn khu theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ công nhận xã an toàn khu, báo cáo Ban Thường vụ Đảng bộ cấp xã.

Ủy ban nhân dân cấp xã có tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận xã an toàn khu và công văn gửi Sở Nội vụ thẩm định (kèm theo hồ sơ).

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định. Trường hợp hồ sơ chưa bảo đảm theo quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Sở Nội vụ có văn bản hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện hồ sơ;

b) Hồ sơ đề nghị công nhận xã an toàn khu gồm có:

Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công nhận xã an toàn khu (kèm theo hồ sơ).

Công văn của Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Sở Nội vụ đề nghị thẩm định.

Hồ sơ của xã an toàn khu, bao gồm: Phần lịch sử, địa lý (trong đó nêu rõ tên gọi trước đây và hiện nay của xã; vị trí, diện tích và dân số hiện nay của xã; nêu rõ và phân tích các sự kiện, di tích lịch sử cách mạng, thành tích phục vụ cách mạng được cấp có thẩm quyền ghi nhận, diễn ra trên địa bàn và nội dung khác (nếu có)); bảng tổng hợp các sự kiện, di tích lịch sử cách mạng; các tài liệu, tư liệu, hình ảnh, xác nhận của nhân chứng lịch sử và nội dung khác (nếu có).

5. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện nhiệm vụ công nhận xã đảo tại khoản 2 Điều này như sau:

Căn cứ tiêu chí xác định xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ công nhận, báo cáo Ban Thường vụ Đảng bộ cấp xã.

Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ (gồm: Tờ trình; báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của xã; tài liệu chứng minh xã đủ tiêu chí, điều kiện là xã đảo) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận xã đảo và gửi Sở Nội vụ thẩm định.

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định. Trường hợp hồ sơ chưa bảo đảm theo quy định thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Sở Nội vụ phải có văn bản hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện hồ sơ.

#### **Điều 7. Phân quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về lao động, tiền lương áp dụng với người sử dụng lao động và người lao động làm việc theo hợp đồng lao động**

1. Nhiệm vụ, quyền hạn quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng tiền lương quốc gia theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Bộ luật Lao động do Thủ tướng Chính phủ thực hiện.

2. Nhiệm vụ thông báo cụ thể ngày nghỉ lễ, tết hằng năm theo quy định tại khoản 3 Điều 112 của Bộ luật Lao động do Bộ trưởng Bộ Nội vụ thực hiện (để áp dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội).

#### **Điều 8. Phân cấp nhiệm vụ quản lý nhà nước về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam**

1. Nhiệm vụ, quyền hạn về việc xác định chuyên gia là người lao động nước ngoài quy định tại điểm c khoản 3 Điều 3 của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam

làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 152/2020/NĐ-CP) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn về chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài; xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động; cấp, cấp lại, gia hạn và thu hồi giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 30 của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi người lao động dự kiến làm việc thực hiện.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện nhiệm vụ xác định chuyên gia là người lao động nước ngoài tại khoản 1 Điều này như sau:

a) Bước 1: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ cấp giấy phép lao động của người sử dụng lao động mà hồ sơ có trường hợp đặc biệt theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 3 của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP thì Sở Nội vụ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xem xét quyết định (nội dung Tờ trình cần nêu rõ ý kiến tham mưu của Sở Nội vụ về việc xem xét người lao động nước ngoài đó có là chuyên gia trong trường hợp đặc biệt không);

b) Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo quyết định áp dụng trường hợp đặc biệt cho chuyên gia là lao động nước ngoài trong thời hạn 03 ngày làm việc; trường hợp không cho rằng là chuyên gia lao động nước ngoài thì nêu lý do.

## **Điều 9. Phân quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động**

1. Nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 6 và Điều 19 của Luật An toàn, vệ sinh lao động do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện, gồm:

a) Nhận thông báo của người lao động về nguy cơ mất an toàn lao động tại nơi làm việc trên địa bàn để có biện pháp ngăn chặn kịp thời các hành vi gây mất an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 6;

b) Nhận thông báo của người sử dụng lao động khi xảy ra sự cố gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, ứng cứu khẩn cấp và có biện pháp xử lý kịp thời theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 19;

c) Chủ động có biện pháp ứng phó ngay khi xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng liên quan đến nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh tại địa phương và kịp thời báo cáo Sở Nội vụ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 19.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện nhiệm vụ tại khoản 1 Điều này như sau:

Khi nhận được thông báo của người lao động và người sử dụng lao động, Ủy ban nhân dân cấp xã phải kịp thời bố trí nhân sự và thực hiện biện pháp kỹ thuật phù hợp để ngăn chặn, ứng cứu khẩn cấp nguy cơ mất an toàn lao động tại nơi làm việc trên địa bàn. Trường hợp vượt quá thẩm quyền thì báo cáo với Sở Nội vụ và đề nghị hỗ trợ kỹ thuật của các cơ quan, tổ chức chuyên môn phù hợp trên địa bàn.

**Điều 10. Phân quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

1. Nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính thực hiện, gồm:

a) Nhận và ban hành văn bản chấp thuận chuẩn bị nguồn lao động cho doanh nghiệp dịch vụ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 18;

b) Nhận báo cáo và trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 31;

c) Nhận báo cáo sau khi doanh nghiệp hoàn thành hợp đồng trúng thầu, nhận thầu ở nước ngoài; yêu cầu doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài báo cáo đột xuất theo quy định tại khoản 8 Điều 32;

d) Nhận báo cáo và trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 34;

đ) Nhận và trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp thực hiện đăng ký đưa người lao động Việt Nam đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài có thời gian từ 90 ngày trở lên theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 39.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn về việc có văn bản xác nhận việc đăng ký hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 50 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người lao động thực hiện.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện nhiệm vụ tại điểm c khoản 1 Điều này như sau:

Doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bằng văn bản về việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài sau khi hoàn thành hợp đồng trúng thầu, nhận thầu ở nước ngoài

chậm nhất là 10 ngày sau ngày người lao động đi làm việc ở nước ngoài nhập cảnh về nước.

**Điều 11. Phân cấp nhiệm vụ quản lý nhà nước về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

Nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính thực hiện, gồm:

1. Ban hành văn bản chấp thuận đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài theo quy định tại Điều 21;
2. Nhận danh sách và xác nhận danh sách người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài theo quy định tại Điều 22;
3. Ban hành văn bản gửi ngân hàng nhận ký quỹ đề nghị trả tiền ký quỹ cho doanh nghiệp (đối với Hợp đồng đào tạo nghề có thời gian đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài từ 90 ngày trở lên) theo quy định tại Điều 28.

**Điều 12. Phân cấp nhiệm vụ quản lý nhà nước về quỹ xã hội, quỹ từ thiện**

Nhiệm vụ, quyền hạn về cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên quỹ; đình chỉ có thời hạn hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cấp lại giấy phép thành lập; công nhận sửa đổi, bổ sung điều lệ; mở rộng phạm vi hoạt động; thu hồi giấy phép thành lập quy định tại Điều 18 của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 93/2019/NĐ-CP) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện đối với: Quỹ hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh (bao gồm quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập, hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã); trừ quỹ hoạt động trong phạm vi xã.

**Điều 13. Phân quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình đẳng giới**

1. Nhiệm vụ, quyền hạn về ban hành chiến lược, mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới và báo cáo Quốc hội hằng năm về việc thực hiện mục tiêu quốc gia

về bình đẳng giới theo quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật Bình đẳng giới do Thủ tướng Chính phủ thực hiện.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn về quy định và thực hiện tiêu chí phân loại giới tính trong số liệu thông tin thống kê nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 25 của Luật Bình đẳng giới do Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện.

#### **Điều 14. Phân cấp nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác văn thư, lưu trữ nhà nước**

1. Nhiệm vụ, quyền hạn quyết định cơ quan, tổ chức khác của Nhà nước không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật Lưu trữ nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở trung ương do Bộ trưởng Bộ Nội vụ thực hiện.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn quyết định cơ quan, tổ chức khác của Nhà nước không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Lưu trữ nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

### **Chương III**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

##### **Điều 15. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Nghị định này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 trừ các trường hợp sau:

a) Bộ, cơ quan ngang bộ báo cáo Chính phủ đề xuất và được Quốc hội quyết định kéo dài thời gian áp dụng toàn bộ hoặc một phần Nghị định này;

b) Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này được thông qua hoặc ban hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 và các quy định tương ứng trong Nghị định này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

3. Trong thời gian các quy định của Nghị định này có hiệu lực, nếu quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Nghị định này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

4. Thay thế, bổ sung một số từ, cụm từ tại Phụ lục I của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP như sau:

a) Thay thế cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm)” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Nội vụ” tại Mẫu số 01/PLI, 02/PLI, 03/PLI, 09/PLI, 10/PLI, 11/PLI, 13/PLI.

b) Thay thế cụm từ “Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024” bằng cụm từ “Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025”; thay thế cụm từ “Cổng Thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm)” bằng cụm từ “Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại Mẫu số 01, 02/PLI;

c) Thay thế cụm từ “Cục trưởng/Giám đốc” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Giám đốc Sở Nội vụ” tại Mẫu số 03/PLI;

d) Thay thế cụm từ “Cục trưởng Cục Việc làm” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Giám đốc Sở Nội vụ” tại Mẫu số 10/PLI, 13/PLI;

đ) Thay thế cụm từ “Cục trưởng Cục Việc làm (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)” thành “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Giám đốc Sở Nội vụ” tại Mẫu số 12/PLI.

5. Thay thế cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại Mẫu số 10 Phụ lục I của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP.

6. Bãi bỏ điểm e khoản 3 Điều 3 và Phụ lục kèm theo của Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

7. Danh mục địa bàn cấp xã áp dụng mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Khi áp dụng mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ đối với người lao động làm việc cho người sử dụng lao động theo địa bàn cấp xã tại Phụ lục kèm theo Nghị định này mà có trường hợp mức lương tối thiểu thấp hơn so với trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 thì người sử dụng lao động tiếp tục thực hiện mức lương tối thiểu như đã áp dụng đối với địa bàn cấp

huyện trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 cho đến khi Chính phủ có quy định mới.

### **Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp, trách nhiệm thi hành**

1. Nhiệm vụ đang được cơ quan, người có thẩm quyền phân quyền, phân cấp thụ lý và đã thực hiện một phần nhưng chưa hoàn thành trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện, giải quyết.

2. Văn bản, giấy phép, giấy chứng nhận đã được cơ quan, người có thẩm quyền phân quyền, phân cấp ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo thời hạn ghi trên văn bản, giấy phép, giấy chứng nhận đó cho đến khi hết thời hạn.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu được sửa đổi, cấp lại văn bản, giấy phép, giấy chứng nhận bởi cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân quyền, phân cấp thì có văn bản đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân quyền, phân cấp giải quyết.

3. Cơ quan, người được phân quyền, phân cấp khi tiếp nhận thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực nội vụ có trách nhiệm sau đây:

a) Rà soát các nhiệm vụ được phân quyền, phân cấp quy định tại Nghị định này để chỉnh sửa, bổ sung và công bố Quyết định danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết; bảo đảm giải quyết thủ tục hành chính sau phân cấp được thông suốt, không bị gián đoạn;

b) Kế thừa toàn bộ hồ sơ, tài liệu, các bước thực hiện và kết quả giải quyết của cơ quan, người có thẩm quyền phân cấp đã thực hiện trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành. Không được yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp lại hồ sơ đã nộp; không thực hiện lại các bước trong thủ tục hành chính đã thực hiện trước khi phân cấp;

c) Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phân quyền, phân cấp định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm với cơ quan, người có thẩm quyền phân quyền, phân cấp;

d) Đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền phân quyền, phân cấp điều chỉnh nội dung thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn phân quyền, phân cấp nếu thực tế thực hiện nhiệm vụ có phát sinh vướng mắc vượt thẩm quyền.

4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bởi các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng văn bản quy phạm pháp luật mới, trừ nội dung về phân quyền, phân cấp trong Nghị định này.

5. Cơ quan, người có thẩm quyền phân quyền, phân cấp có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo Nghị định này.

6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ  
KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**

***(đã ký)***

**Nguyễn Hòa Bình**